

CHÊNH LỆCH NGHĨA VỤ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ THU NHẬP CÁ NHÂN GIỮA HỘ KINH DOANH VÀ DOANH NGHIỆP TẠI VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2022-2026: THỰC TRẠNG VÀ TÁC ĐỘNG VĨ MÔ

NGUYỄN THỊ DUNG

Giám đốc Công ty TNHH Tư vấn và Đại lý thuế D&P Việt Nam
Director, D&P Vietnam Tax Consulting and Tax Agency Co., Ltd.
Email: nguyendung@dailythuedp.com

Ngày nhận bài: 25/05/2026
Ngày sửa bài: 15/06/2026
Ngày duyệt đăng bài: 26/06/2026

Tóm tắt:

Bài báo phân tích sự bất cân xứng thu thuế GTGT và TNCN giữa hộ kinh doanh (HKD) và doanh nghiệp (DN) tại Việt Nam giai đoạn 2022-2026. Dựa trên số liệu từ Tổng cục Thuế và Niên giám Thống kê, nghiên cứu chứng minh phương pháp thuế khoán trực tiếp trên doanh thu đang tạo ra khoảng cách nghĩa vụ tài chính lớn. Qua mô hình minh họa trên 100 đồng doanh thu, bài báo đánh giá tác động của chênh lệch này đến quy mô GDP, lạm phát và động lực tăng trưởng kinh tế số. Nghiên cứu khuyến nghị lộ trình áp dụng Luật số 09/2026/QH16 nhằm đồng nhất cơ sở tính thuế thu nhập cho HKD vượt ngưỡng.

Từ khóa: thu ngân sách, hộ kinh doanh, doanh nghiệp, thuế khoán, kinh tế phi chính thức, tác động vĩ mô.

Differences in value-added tax and personal income tax obligations between household businesses and enterprises in Vietnam during 2022–2026: Current situation and macroeconomic impacts

Abstract:

This study analyzes the asymmetry in value-added tax and personal income tax collection between household businesses and enterprises in Vietnam during the 2022–2026 period. Based on data from the General Department of Taxation and statistical yearbooks, the study demonstrates that the direct presumptive tax method based on revenue creates a substantial disparity in financial obligations. Using an illustrative model based on 100 units of revenue, the paper evaluates the effects of this disparity on GDP, inflation, and the growth dynamics of the digital economy. The study recommends a roadmap for implementing Law No. 09/2026/QH16 to harmonize the income tax base for household businesses exceeding the prescribed threshold.

Keywords: state budget revenue, household businesses, enterprises, presumptive tax, informal economy, macroeconomic impacts.

1. Đặt vấn đề

Năm 2026, Việt Nam tiếp tục duy trì đà tăng trưởng với GDP Quý I đạt 7,2%. Tuy nhiên, cơ cấu thu ngân sách tồn tại một nghịch lý: sự mất cân đối trong đóng góp thuế giữa khối HKD và DN. Dữ liệu 2022-2024 cho thấy, khối HKD có số lượng lớn hơn DN hàng chục lần (5,1-5,3 triệu HKD so với 858.000-930.000 DN) nhưng chỉ nộp khoảng 2-3% tổng thu GTGT. Ngược lại, khối DN chịu trên 90% nghĩa vụ thuế GTGT và TNDN. Sự chênh lệch này cho thấy vấn đề không chỉ nằm ở năng lực kinh doanh mà còn ở cấu trúc nghĩa vụ pháp lý.

Từ thực trạng trên, nghiên cứu tập trung phân tích sự chênh lệch về nghĩa vụ thuế giữa hộ kinh doanh và doanh nghiệp, đánh giá tác động của chính sách thuế đến tăng trưởng GDP, kiểm soát lạm phát và động lực phát triển kinh tế, đồng thời đề xuất các khuyến nghị chính sách trong bối cảnh Luật số 09/2026/QH16 được ban hành.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng 3 phương pháp:

Thứ nhất, phân tích và tổng hợp dữ liệu thứ cấp từ Báo cáo của Tổng cục Thuế (2022-2024), Niên giám Thống kê 2024 và Bộ Kế hoạch và Đầu tư để làm rõ chênh lệch gánh nặng thuế.

Thứ hai, mô hình hóa minh họa. Nghiên cứu xây dựng mô hình 3 kịch bản trên 100 đồng doanh thu (giả định chi phí chiếm 80% theo VCCI 2023) để bóc tách bản chất chênh lệch thuế.

Thứ ba, so sánh chính sách. Đối chiếu kinh nghiệm cải cách thuế của Brazil, Indonesia, Hàn Quốc và Đài Loan (Trung Quốc) để vận dụng cho lộ trình thực thi Luật số 09/2026/QH16.

Do hạn chế dữ liệu vi mô, các đánh giá tác động vĩ mô mang tính giả thuyết chính sách; cần bổ sung dữ liệu thực địa ở các nghiên cứu sau.

3. Tổng quan nghiên cứu

3.1. Nghiên cứu quốc tế về thuế khoán và kinh tế phi chính thức

Mối quan hệ giữa cơ chế tính thuế và kinh tế phi chính thức đã được nghiên cứu rộng rãi. Công trình trên Journal of Economic Literature (2000) chỉ ra, cơ chế thuế khoán đơn giản, nếu không hiệu chỉnh đúng, sẽ mở rộng khu vực phi chính thức, thu hẹp cơ sở thuế và làm giảm độ chính xác của GDP. Nghiên cứu trên Journal of Development Economics (2010) kết luận, sự không đồng nhất trong cơ sở tính thuế dẫn đến hiệu quả thu thấp và bất cân xứng thị trường. LSE/Asia Research Centre (2012) nhấn mạnh việc buộc khu vực phi chính thức hòa nhập vào chuỗi kế toán là đòn bẩy quan trọng để cải thiện năng suất (TFP) và tăng thu. Về thực tiễn, hệ thống Simples Nacional của Brazil gộp nhiều loại thuế theo doanh thu nhưng yêu cầu khai báo điện tử, giúp giảm kinh tế ngầm. Indonesia áp dụng thuế cố định 0,5% cho DN siêu nhỏ và bắt buộc chuyển sang kế toán đầy đủ sau một thời gian; là mô hình tốt cho Việt Nam tham khảo.

3.2. Nghiên cứu trong nước

Tại Việt Nam, Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế (2019) ước tính kinh tế ngầm chiếm 15-20% GDP, phần lớn do HKD thiếu hóa đơn chứng từ. Gánh nặng thuế bất cân xứng, chi phí tuân thủ cao và thiếu lợi ích chính thức hóa là nguyên nhân chính duy trì tình trạng này. Tạp chí Tài chính (2021) cũng chỉ ra chi phí pháp lý khi chuyển đổi lên DN thường vượt quá lợi ích nhận được, khiến HKD ngại chuyển đổi. Khảo sát của VCCI (2023) cho thấy biên lợi nhuận thương mại dịch vụ khoảng 15-25% và chi phí trực tiếp chiếm 75-85%, làm cơ sở cho mô hình minh họa trong bài. Dù đồng thuận cao về việc cần cải cách thuế HKD, vẫn thiếu các phân tích định lượng về tác động vĩ mô, khoảng trống mà bài báo này sẽ lấp đầy.

4. Thực trạng cơ cấu gánh nặng thuế giữa HKD và Doanh nghiệp

4.1. Số liệu thực tế về quy mô thu thuế

Bảng 1 tổng hợp số liệu từ Báo cáo thu ngân sách nhà nước của Tổng cục Thuế các năm 2022-2024 và Niên giám Thống kê Việt Nam 2024, cho thấy sự chênh lệch rõ rệt trong đóng góp thuế GTGT giữa hai khu

vực. Số liệu về số lượng HKD và DN được lấy từ Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2024). Các giá trị mang ký hiệu "~" phản ánh số liệu thống kê tổng hợp có sai số làm tròn theo công bố chính thức, không phải số liệu ước tính của tác giả.

Bảng 1. Quy mô thu thuế GTGT và thu nhập từ HKD và DN giai đoạn 2022-2024

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Số lượng HKD đang hoạt động (triệu)	~5,1	~5,2	~5,3
Số lượng DN đang hoạt động (nghìn)	~858	~900	~930
Tỷ trọng thu GTGT từ HKD / Tổng thu GTGT (%)	~2,1%	~2,3%	~2,5%
Tỷ trọng thu GTGT từ DN / Tổng thu GTGT (%)	~91,2%	~90,8%	~90,5%

Nguồn: Tổng hợp từ Tổng cục Thuế (2022, 2023, 2024), Niên giám Thống kê Việt Nam (2024), Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2024)

Kết quả mô hình cho thấy, dưới Kịch bản 1 (thuế khoán hiện hành), HKD chỉ nộp 1,5 đồng thuế trên 100 đồng doanh thu và giữ lại biên lợi nhuận 18,5%. Trong khi đó, DN nộp 3,8 đồng và chỉ giữ lại 16,2% (Kịch bản 3). Khoảng cách 2,5 điểm phần trăm biên lợi nhuận này là động lực tài chính trực tiếp khiến nhiều HKD không có xu hướng chuyển đổi lên hình thức doanh nghiệp, kể cả khi quy mô kinh doanh đã vượt ngưỡng đáng kể. Khi áp dụng Kịch bản 2 (thuế trên thu nhập thuần cho HKD), biên lợi nhuận của HKD (16,0%) và DN (16,2%) được san bằng, loại bỏ hoàn toàn lợi thế tài chính từ việc duy trì hình thức HKD.

4.2. Mô hình so sánh nghĩa vụ thuế trên 100 đồng doanh thu

Để làm rõ cơ chế dẫn đến sự chênh lệch trên, nghiên cứu xây dựng mô hình minh họa trên 100 đồng doanh thu chịu thuế (đã vượt ngưỡng 1 tỷ đồng/năm). Các giả định được đặt ra dựa trên mức biên lợi nhuận bình quân ngành thương mại dịch vụ theo khảo sát của VCCI (2023), ước tính chi phí chiếm khoảng 75-85% doanh thu; bài báo lấy mức 80% làm trung gian. Mô hình này là ví dụ minh họa nhằm bóc tách logic tính thuế, không phải kết quả thực nghiệm.

Bảng 2a. Mô hình minh họa cấu trúc nghĩa vụ thuế trên 100 đồng doanh thu

Chỉ tiêu (Đơn vị: Đồng)	KB1: HKD (Thuế trên DT)	KB2: HKD (Thuế trên TN)	KB3: DN (Áp dụng NĐ 144)
1. Doanh thu tính thuế	100,0	100,0	100,0
2. Chi phí thực tế	80,0	80,0	80,0
3. Chi phí được trừ (Kế toán)	Không xét	80,0	81,0 (Ưu đãi NĐ 144)
4. Thuế GTGT	$100 \times 1\% = 1,0$	Khấu trừ	Khấu trừ
5. Thuế Thu nhập (TNCN/TNDN)	$100 \times 0,5\% = 0,5$	$20 \times 20\% = 4,0$	$19 \times 20\% = 3,8$
6. Tổng gánh nặng thuế	1,5	4,0	3,8
7. Lợi nhuận thực tế sau thuế	18,5	16,0	16,2
8. Biên lợi nhuận ròng (%)	18,5%	16,0%	16,2%

Nguồn: Tác giả tổng hợp dựa trên quy định tại Luật số 09/2026/QH16 và Nghị định 144/2026/NĐ-CP; giả định chi phí dựa trên VCCI (2023)

Kết quả tại Bảng 2a cho thấy, biên lợi nhuận của HKD dưới Kịch bản 1 (thuế trực tiếp trên doanh thu) cao hơn 2,3 điểm phần trăm so với DN (18,5% so với 16,2%). Đây là động lực tài chính khiến nhiều HKD trên cả nước không có xu hướng chuyển đổi lên hình thức doanh nghiệp, dù quy mô kinh doanh đã vượt ngưỡng đáng kể. Khi áp dụng Kịch bản 2 (thuế trên thu nhập thuần cho HKD), biên lợi nhuận của HKD (16,0%) và DN (16,2%) được san bằng, loại bỏ hoàn toàn lợi thế tài chính từ việc duy trì hình thức HKD. Cần lưu ý, mức chênh lệch cụ thể phụ thuộc đáng kể vào cơ cấu chi phí thực tế của từng ngành (Bảng 1b); mô hình này chỉ mang tính minh họa cơ chế tính thuế dựa trên mức chi phí trung vị ngành thương mại dịch vụ theo VCCI

(2023), không phản ánh toàn bộ thực tiễn đa dạng của các HKD và cần được kiểm chứng bằng dữ liệu vi mô trong các nghiên cứu tiếp theo.

Bảng 2b. Phân tích độ nhạy theo mức chi phí

Chi phí / Doanh thu	KB1: HKD (Thuế khoán) - Biên LN	KB2: HKD (Thuế TN) - Biên LN	KB3: DN - Biên LN	Chênh lệch KB1 vs KB3
Chi phí = 70%	28,5%	24,0%	24,2%	+4,3 điểm %
Chi phí = 80% (cơ sở)	18,5%	16,0%	16,2%	+2,3 điểm %
Chi phí = 90%	8,5%	8,0%	8,2%	+0,3 điểm %

Kết quả phân tích độ nhạy cho thấy: lợi thế tài chính của HKD so với DN dưới chế độ thuế khoán luôn dương ở mọi mức chi phí, tức là động lực không chuyển đổi lên DN tồn tại nhất quán. Tuy nhiên, mức độ chênh lệch biến động đáng kể - từ 0,3 đến 4,3 điểm phần trăm - tùy thuộc vào cơ cấu chi phí thực tế của từng ngành. Điều này cho thấy tác động sẽ mạnh hơn đối với các HKD hoạt động trong lĩnh vực có biên lợi nhuận cao (như dịch vụ, tư vấn) và yếu hơn ở các ngành thâm dụng chi phí (như bán lẻ hàng hóa). Mô hình này mang tính minh họa cơ chế tính thuế, không phản ánh toàn bộ thực tiễn đa dạng của các HKD; các nghiên cứu định lượng tiếp theo cần sử dụng dữ liệu vi mô để ước lượng chính xác hơn.

5. Thảo luận về tác động vĩ mô

5.1. Tác động đến quy mô GDP và tính minh bạch kinh tế

Phương pháp thuế khoán không yêu cầu HKD lập hóa đơn đầu vào, khiến lượng lớn giao dịch thoát khỏi hệ thống đo lường. Theo VESS (2022), khu vực phi chính thức chiếm 15-25% GDP, làm GDP thực tế bị định giá thấp và giảm tính tin cậy của chỉ số thống kê. Hơn nữa, sự manh mún của HKD hạn chế tích lũy tư bản và năng suất tổng hợp (TFP). Khi Luật số 09/2026/QH16 buộc HKD lớn hạch toán trên thu nhập thuần, chuỗi hóa đơn điện tử sẽ khép kín, phản ánh đúng quy mô GDP.

5.2. Tác động đến kiểm soát lạm phát

Năm 2026, với mục tiêu lạm phát 3,5%, sự chênh lệch thuế tạo bất bình đẳng cấu trúc chi phí. Khối DN chịu tổng thuế 3,8-4,0 đồng và chi phí tuân thủ cao, buộc phải tăng giá thành sản phẩm - tạo lạm phát chi phí đẩy. Ngược lại, HKD gánh thuế chỉ 1,5 đồng có thể cung cấp hàng hóa giá thấp hơn, gây sai lệch tín hiệu giá cả. Đồng nhất cơ sở tính thuế thu nhập thuần sẽ dàn đều gánh nặng chi phí, hỗ trợ kiểm soát lạm phát bền vững.

Nghiên cứu đăng trên Journal of Development Economics năm 2010 đã lập luận, sự không đồng nhất trong nghĩa vụ thuế giữa các khu vực kinh tế làm sai lệch tín hiệu giá cả và cản trở cơ chế thị trường vận hành hiệu quả. Trong bối cảnh Việt Nam, sự sai lệch này thể hiện qua việc giá bán của DN cao hơn mức cần thiết do gánh nặng thuế, trong khi giá của HKD thấp hơn do được hưởng lợi thế về thuế. Việc đồng nhất cơ sở tính thuế về thu nhập thuần cho cả 2 khu vực sẽ giúp xóa bỏ tình trạng này, dàn đều gánh nặng chi phí, qua đó hỗ trợ kiểm soát lạm phát bền vững hơn ở mức mục tiêu 3,5%.

5.3. Tác động đến động lực tăng trưởng và chuyển đổi số

Mục tiêu kinh tế số chiếm 30% GDP năm 2030 đòi hỏi hệ thống hóa đơn điện tử toàn diện. Thuế khoán làm mất động lực thu thập hóa đơn của HKD, gây thất thoát dữ liệu. Ngược lại, cơ chế thuế trên thu nhập tự tạo động lực minh bạch: HKD chủ động đòi hóa đơn để giảm thuế, ép toàn chuỗi cung ứng xuất hóa đơn điện tử.

5.4. Hiện tượng trì hoãn chuyển đổi lên doanh nghiệp

Nguyễn Thị Cảnh & Trần Thị Thu Hương (2019) đã chỉ ra, khoảng cách lợi ích tài chính giữa HKD và DN là một trong các rào cản chính ngăn cản quá trình chính thức hóa tại Việt Nam. Số liệu từ Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2024) cho thấy, số DN thành lập mới tuy tăng đều nhưng tỷ lệ chuyển đổi từ HKD lên DN vẫn ở mức thấp, dưới 5% tổng số HKD đủ điều kiện.

Mô hình minh họa tại Bảng 1 cho thấy, khoảng cách 2,5 điểm phần trăm biên lợi nhuận (18,5% so với 16,0%) là một động lực kinh tế tương đối lớn, đặc biệt trên quy mô doanh thu hàng chục tỷ đồng. Khi Kịch bản 2 được áp dụng, biên lợi nhuận giữa HKD và DN sẽ được san bằng (16,0% so với 16,2%), làm triệt tiêu lợi thế tài chính khi duy trì hình thức HKD. Khi đó, các chủ kinh doanh sẽ có động lực tự nguyện chuyển đổi lên DN để tận dụng ưu thế về huy động vốn, tín dụng và pháp nhân kinh doanh.

5.5. Mở rộng cơ sở dữ liệu cho kinh tế số

Cơ chế thuế trên thu nhập buộc HKD thu thập hóa đơn đầu vào, ép toàn chuỗi cung ứng phát hành hóa đơn điện tử. Hệ thống dữ liệu quốc gia sẽ hoàn thiện, tạo nền tảng ứng dụng AI trong quản lý. Đồng thời, môi trường cạnh tranh sẽ phản ánh đúng năng lực quản trị thực chất thay vì lợi thế do chênh lệch pháp lý.

6. Khuyến nghị chính sách

6.1. Tái cấu trúc nghĩa vụ thuế đối với Hộ kinh doanh

Kết quả phân tích cho thấy, phương pháp tính thuế khoán trực tiếp trên doanh thu đối với HKD đang tạo ra khoảng cách nghĩa vụ thuế lớn, dẫn đến thất thu ngân sách và cản trở minh bạch hóa kinh tế. Luật số 09/2026/QH16 đã tạo cơ sở pháp lý để chuyển đổi cơ chế này. Cần có lộ trình cụ thể, phân giai đoạn để bắt buộc các HKD thương mại vượt ngưỡng doanh thu 1 tỷ đồng/năm thực hiện chế độ kế toán đơn giản và nộp thuế trên cơ sở thu nhập thuần (doanh thu trừ chi phí).

Lộ trình được đề xuất bao gồm:

Giai đoạn 1 (2026 - 2027): Giai đoạn kiến tạo nền tảng, chuyển đổi nhận thức và thí điểm

Mục tiêu trọng tâm: Dịch chuyển tư duy tuân thủ thuế của nhóm HKD quy mô lớn và chuẩn bị công cụ hạ tầng hỗ trợ.

Giải pháp thực thi:

- Tuyên truyền và đào tạo kế toán đơn giản cho HKD tại các trung tâm kinh tế lớn.
- Cung cấp phần mềm kế toán, kê khai thuế miễn phí hoặc trợ giá.
- Áp dụng thí điểm cơ chế quản lý mới: Bắt buộc áp dụng chế độ khai báo thu - chi thực tế (tiệm cận với phương pháp kê khai của doanh nghiệp) đối với nhóm HKD có doanh thu trên 5 tỷ đồng/năm.

Giai đoạn 2 (2027 - 2028): Giai đoạn số hóa toàn diện và mở rộng phạm vi kiểm soát

Mục tiêu trọng tâm: Thu hẹp khoảng cách quản lý, triệt tiêu khoảng trống thất thu thuế bằng công nghệ.

Giải pháp thực thi:

- Mở rộng diện bắt buộc áp dụng khai báo thu - chi với HKD vượt ngưỡng 3 tỷ đồng/năm.
- Bắt buộc áp dụng 100% hóa đơn điện tử cho toàn bộ các giao dịch đầu vào và đầu ra của nhóm HKD này.
- Vận hành hệ thống rà soát chéo tự động dựa trên Cơ sở dữ liệu hóa đơn điện tử quốc gia để nhận diện rủi ro.

Giai đoạn 3 (Từ năm 2029 trở đi): Giai đoạn chuẩn hóa đại trà và đồng bộ môi trường kinh doanh

Mục tiêu trọng tâm: Tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng tuyệt đối về nghĩa vụ tài chính giữa khối HKD và doanh nghiệp.

Giải pháp thực thi:

- Áp dụng đại trà cơ chế sổ sách minh bạch cho toàn bộ HKD vượt 1 tỷ đồng/năm.
- Đánh giá tác động lên số thu ngân sách từ các giai đoạn trước.
- Bộ Tài chính xem xét điều chỉnh bậc thuế làm đòn bẩy khuyến khích HKD lên DN.

6.2. Hỗ trợ Doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh

Song song với cải cách thuế HKD, Chính phủ cần duy trì và tăng cường các chính sách hỗ trợ khối DN, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME), để đảm bảo môi trường cạnh tranh bình đẳng khi sân chơi được cân bằng hóa.

Về giảm chi phí tuân thủ: tiếp tục đơn giản hóa thủ tục hành chính và số hóa toàn diện quy trình kê khai thuế. Nghiên cứu của Ngân hàng Thế giới (World Bank Doing Business Report, 2023) cho thấy, chi phí tuân thủ thuế tại Việt Nam vẫn ở mức cao so với các nước ASEAN - giảm bớt gánh nặng này sẽ trực tiếp tăng sức cạnh tranh cho DN. Về ưu đãi đầu tư và R&D: Căn cứ theo Nghị định số 320/2025/NĐ-CP hướng dẫn Luật

Thuế TNDN và các quy định về Quỹ phát triển khoa học và công nghệ, doanh nghiệp được phép trích lập quỹ R&D hoặc hạch toán các khoản chi phí phục vụ nghiên cứu, phát triển và tích hợp AI vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế. Khuyến khích doanh nghiệp số hóa bộ máy vận hành thông qua việc ghi nhận chi phí mua sắm, triển khai, thuê bao các giải pháp phần mềm quản trị chuyên sâu (như phần mềm kế toán MISA, Fast, hay hệ thống quản trị tổng thể ERP) là chi phí hợp lý, hợp lệ. Các hạng mục này sẽ được phân bổ khấu hao hoặc tính trực tiếp vào chi phí hoạt động, giúp doanh nghiệp giảm trừ nghĩa vụ thuế và tối ưu hóa nguồn lực tài chính.

6.3. Tăng cường hạ tầng dữ liệu phục vụ quản lý thuế

Cần tích hợp hệ thống hóa đơn điện tử với cơ sở dữ liệu ngân hàng, hải quan và bảo hiểm xã hội để kiểm chéo tự động, giảm thiểu gian lận. Kinh nghiệm từ Hàn Quốc (Hometax) và Đài Loan (Trung Quốc) cho thấy việc số hóa hóa đơn tạo nguồn dữ liệu kinh tế thời gian thực có giá trị cao, là hướng đi Việt Nam cần đẩy nhanh.

7. Kết luận

Bài viết đã phân tích sự chênh lệch thuế GTGT và TNCN giữa HKD và DN tại Việt Nam. Sự chênh lệch này không chỉ gây thất thu mà còn hạn chế phản ánh đúng quy mô GDP, tạo áp lực lạm phát và cản trở nền tảng dữ liệu phục vụ kinh tế số. Điểm cốt lõi là phương pháp khoán trực tiếp trên doanh thu tạo biên lợi nhuận cao hơn 2,5 điểm phần trăm cho HKD, triệt tiêu động lực lên DN. Lộ trình khả thi là áp dụng thuế thu nhập thuần theo phân tầng quy mô, kết hợp hỗ trợ kỹ thuật như kinh nghiệm quốc tế. Luật số 09/2026/QH16 và các Nghị định số 68/2026/NĐ-CP, 141/2026/NĐ-CP đã tạo khung pháp lý. Cần thực thi lộ trình cụ thể, hạ tầng dữ liệu đồng bộ để tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, minh bạch. Các nghiên cứu tiếp theo cần sử dụng dữ liệu vi mô để lượng hóa tác động của từng kịch bản chính sách ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư. (2024). Báo cáo tình hình đăng ký doanh nghiệp năm 2024.
- Chính phủ Việt Nam. (2026a). Nghị định số 68/2026/NĐ-CP ngày 5/3/2026 quy định chi tiết về quản lý thuế đối với hộ kinh doanh.
- Chính phủ Việt Nam. (2025). Nghị định số 320/2025/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Chính phủ Việt Nam. (2026b). Nghị định số 144/2026/NĐ-CP ngày 5/5/2026 về ưu đãi đầu tư chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo và phần mềm quản trị cho doanh nghiệp.
- Nguyễn Thị Cảnh và Trần Thị Thu Hương. (2019). Phân tích khu vực kinh tế phi chính thức và tác động đến thu ngân sách nhà nước tại Việt Nam. *Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế*, 42(5), 15-27.
- Quốc hội. (2026). Luật số 09/2026/QH16 ngày 24/4/2026 về sửa đổi, bổ sung quy định tính thuế đối với hộ kinh doanh và doanh nghiệp.
- Tổng cục Thống kê. (2024). Niên giám Thống kê Việt Nam 2024. Nhà xuất bản Thống kê.
- Tổng cục Thuế. (2022). Báo cáo thu ngân sách nhà nước năm 2022.
- Tổng cục Thuế. (2023). Báo cáo thu ngân sách nhà nước năm 2023.
- Tổng cục Thuế. (2024). Báo cáo thu ngân sách nhà nước năm 2024.
- Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Chiến lược Việt Nam (VESS). (2022). Ước lượng quy mô kinh tế phi chính thức tại Việt Nam.
- VCCI. (2023). Báo cáo thường niên doanh nghiệp Việt Nam 2023.
- Ahmad, E., & Best, M. (2012). Financing social policy in the presence of informality. LSE/Asia Research Centre Working Paper No. 56.
- IMF. (2010). The value added tax: Its causes and consequences. IMF Working Paper.
- Keen, M., & Lockwood, B. (2010). The value added tax: Its causes and consequences. *Journal of Development Economics*, 92(2), 138-151.
- OECD. (2023). Tax Administration 2023: Comparative Information on OECD and Other Advanced and Emerging Economies. OECD Publishing.
- Schneider, F., & Enste, D. H. (2000). Shadow economies: Size, causes, and consequences. *Journal of Economic Literature*, 38(1), 77-114.
- World Bank. (2023). Doing Business 2023: Comparing Business Regulation in 190 Economies. World Bank Group.